

Bản án: **05/2025/HNGĐ - ST**  
Ngày 17/02/2025

“ *V/v tranh chấp ly hôn, con chung* ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Toàn;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát;

2. Ông Phạm Xuân Hùng;

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:** Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXX- ST ngày 27 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/HPT-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn M, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị Vi Thị D, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

(Anh M1 có đơn xin xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

[1] Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn anh Vũ Văn M trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn cùng với chị Vi Thị D vào tháng 07 năm 2020 trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, chúng tôi có đăng ký kết hôn vào ngày 13/07/2020 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị D về sinh sống cùng gia đình anh tại thôn L, xã T sinh sống từ đó cho đến nay tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào tháng 08 năm 2024, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, khoảng thời gian đó cả gia đình cùng nhau đi du lịch nhưng khi về đến nhà chị D tự ý bỏ nhà đi không thông báo gì cho anh, sau khi anh liên lạc thì phát hiện chị D đã chặn liên lạc, đến nay mặc dù chị D đã bỏ chặn anh nhưng hai bên cũng không liên lạc với nhau. Chị D bỏ nhà đi từ đó đến nay vẫn chưa về nhà. Anh có liên hệ với gia đình nhà chị D thì họ cũng không biết chị D hiện nay đang ở đâu.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn.

*Về con chung:* Anh và chị D có 01 con chung là cháu Vũ Phương N, sinh ngày 29/10/2020, hiện cháu đang ở cùng với anh. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu N, về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu. Anh hiện đang làm lao động tự do thu nhập khoảng 9.000.000 – 10.000.000đ/tháng, anh hiện đang ở cùng với bố mẹ đẻ, anh đảm bảo được việc nuôi con khi được giao.

*Về tài sản, công nợ:* Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2] Bị đơn chị Vi Thị D hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã niêm yết tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để chị D biết đến làm việc tại Tòa án nhưng chị D vẫn vắng mặt. Hoạch vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị D.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chị D vắng mặt không chấp hành đến Tòa án để giải quyết vụ án là vi phạm về nghĩa vụ.

*Về giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, 27, 37, 45, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 60, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn M và chị Vi Thị D được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Phương N, sinh ngày 29/10/2020; Về cấp dưỡng nuôi con anh M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Vũ Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết ly hôn với chị Vi Thị D, chị D hiện đang cư trú tại huyện S. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông M có đơn xin xét xử vắng mặt; bà D vắng mặt không có lý do; Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện*:

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

*Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vũ Văn M kết hôn với chị Vi Thị D vào tháng 07 năm 2020, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, sau có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang số 31 ngày 13 tháng 7 năm 2022. Sau khi cưới, chị D về gia đình anh M ở chung sống cùng nhau; quá trình chung sống ban đầu tình cảm hòa thuận hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị D là hợp pháp.

Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 08 năm 2024, nguyên nhân do chị D tự ý bỏ nhà đi không lý do, bỏ bê chồng con đến nay vẫn chưa về nhà. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình”.

Xét thấy: Anh M1 và chị D đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, anh M1 và chị D đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Văn M, cho anh M và chị D được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

*Về con chung*: Anh M1 và chị D có 01 con chung là cháu Vũ Phương N, hiện cháu N đang ở cùng với anh M1. Anh M1 có nguyện vọng được cháu N và không

yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào việc làm, thu nhập của anh M1, đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và cũng do cháu N còn nhỏ nên cần phải nhận được quan tâm, chăm sóc từ bố, mẹ; do chị D bỏ nhà đi từ tháng 08/2024 không còn quan tâm, chăm sóc cháu N từ đó cho đến nay, một mình anh M1 là người chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu. Do đó để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con nên yêu cầu của anh M1 được chấp nhận theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho anh Vũ Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Phương N là hợp lý. Do anh M không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ:* Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí:* Anh Minh yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 19, 27, 37, 45, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Vũ Văn M và chị Vi Thị D được ly hôn nhau.

[2] *Về con chung:* Giao cho anh Vũ Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Phương N, sinh ngày 29/10/2020; về cấp dưỡng nuôi con anh M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] *Về án phí:* Anh Vũ Văn M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Anh M được khấu trừ vào số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí DSST, theo biên lai số 0005388 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động (Xác nhận anh M đã nộp đủ tiền án phí).

[4] *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tuấn Đạo;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Toàn**